

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIÊN HẢI  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 31 - 01 - 2024.

V/v tranh chấp xin ly hôn  
và nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Tịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Hoàng Mai

2. Ông Đặng Tùng Long

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê T Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Ngọc N**, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp VH1, xã VHP, huyện GR, tỉnh KG.

**- Bị đơn:** **Anh Trần Quốc T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp TT, xã LS, huyện KH, tỉnh KG

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2023 và những lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc N trình bày: Trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau và được sự đồng ý của gia đình, chị N và anh T kết hôn năm 2015 và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó khoảng đầu năm 2023 chị N

và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đời sống chung không còn phù hợp do bất đồng quan điểm sống. Nay chị N xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thiên Phúc, sinh ngày 20/09/2017, chị N đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ cho đến khi con trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quốc T trình bày: Tại biên bản hòa giải và hòa giải thành ngày 13/11/2023 anh T đồng ý ly hôn với chị N, đồng ý nuôi con, chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con trưởng thành, và không có yêu cầu về tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, sau đó anh T có gửi văn bản thay đổi yêu cầu không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc N khởi kiện tranh chấp xin ly hôn, nuôi con với anh Trần Quốc T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc N xin được ly hôn với anh Trần Quốc T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ giữa chị N và anh T đã có nhiều mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng và hiện tại anh chị đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ đó nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Ngọc N được ly hôn với anh Trần Quốc T.

[2.2] Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện giữa chị N và anh T thỏa thuận giao con Trần Thiên Phúc, sinh ngày 20/09/2017, cho anh T nuôi dưỡng và chị N

đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ cho đến khi con trưởng thành.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc N được ly hôn với anh Trần Quốc T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện giữa chị N và anh T thỏa thuận giao con Trần Thiên Phúc, sinh ngày 20/09/2017, cho anh T nuôi dưỡng và chị N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ cho đến khi cháu Phúc đủ 18 tuổi.

Chị N có quyền và nghĩa vụ tới lui chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008447 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị N đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- UBND xã An Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Văn Tịnh**